

Bản án số 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03/7/2023

“Tranh chấp hôn nhân gia đình,
có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Trịnh Thị Kim Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2023/QĐ-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Ma Thị Khánh H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Minh Nh**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ ở nước ngoài: Diakovce 675, Sala, Cộng hoà Xlova-Kia.

(Chị H có mặt, anh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị Khánh H trình bày:

Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 21/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H sinh sống tại Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến đầu năm 2022 anh Nh sang Xlova-Kia định cư, thời gian đầu mới đi anh chị vẫn thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó do sống xa nhau lâu ngày vợ chồng bắt đầu quan điểm, thường xuyên cãi vã, một thời gian dài anh chị đã không liên lạc với nhau. Anh Nh xác định sẽ định cư lâu dài ở Xlova-Kia, để giải thoát cho nhau trong cuộc sống, chị H làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Nh.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/11/2011 và cháu Nguyễn Phương M, sinh ngày 27/02/2017. Từ khi anh Nh đi nước ngoài các con chung sống cùng chị H tại Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, đề nghị anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000đ/con/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo năm.

Về tài sản chung, chị H và anh Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung, chị H và anh Nh không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh Nh và chị Ma Thị Khánh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 21/02/2011. Sau khi kết hôn, 2 vợ chồng sinh sống tại Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, cho đến đầu năm 2022 anh Nh sang Xlova-Kia định cư, thời gian đầu mới đi anh chị vẫn thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó do sống xa nhau lâu ngày anh chị bắt đầu quan điểm, thường xuyên cãi vã, một thời gian dài anh chị đã không liên lạc với nhau. Anh Nh xác định sẽ định cư lâu dài ở Xlova-Kia nhưng chị H không nhất trí đi cùng anh, về việc này mà anh chị thường xuyên cãi vã. Anh thấy rằng vợ chồng không thể hàn gắn được, chị H khởi kiện ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/11/2011 và cháu Nguyễn Phương M, sinh ngày 27/02/2017. Từ khi anh đi nước ngoài các con chung sống cùng chị H tại Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 02

cháu, anh Nh nhất trí vì các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000đ/con/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo năm.

Về tài sản chung, vợ chồng anh Nh, chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung, anh chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh Nguyễn Minh Nh đang định cư tại Xlova-Kia không có mặt tại Việt Nam và chị Ma Thị Khánh H cả hai anh chị đều có đơn không yêu cầu Tòa án hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Anh Nguyễn Minh Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Anh Nguyễn Minh Nh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh Nh là đúng quy định của pháp luật

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh không có hạnh phúc hiện mỗi người ở một nước không có khả năng đoàn tụ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị Khánh H.

Về con chung: Hiện anh Nguyễn Minh Nh đang ở nước ngoài, từ khi anh Nh sang Xlova-Kia định cư, chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, hơn nữa cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/11/2011 có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy đề nghị của chị Ma Thị Khánh H giao con chung là cháu Nguyễn Minh A, cháu Nguyễn Phương M cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con anh Nh tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu số tiền 2.500.000đ/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo năm.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh khai không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các nội dung này và tuyên có quyền khởi kiện vụ án khác của các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc chị Ma Thị Khánh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Minh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật : Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 21/02/2011, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nh (anh Nh đi định cư lâu dài tại Xlova-Kia), do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”* theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Ma Thị Khánh H đang cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Minh Nh cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nơi ở hiện nay: Diakovce 675, Sala, Cộng hòa Xlova-Kia. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[3] Quá trình giải quyết vụ án sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Chị Ma Thị Khánh H có mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Minh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết xét xử vụ án vắng mặt anh Nh theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự (quy định thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng).

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị Khánh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 21/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống tại Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến đầu năm 2022 anh Nh sang Xlovakia định cư, lúc đầu mới đi vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó do sống xa nhau lâu ngày vợ chồng bất đồng quan điểm, chị H không nhất trí đi cùng anh Nh sang Xlova-Kia định

cur vì vậy mà thường xuyên cãi vã, một thời gian dài cả hai không liên lạc với nhau.

Bản thân chị H và anh Nh đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Chị H có đơn xin ly hôn, anh Nh cũng nhất trí ly hôn. Như vậy thấy rằng do vợ sống xa nhau quá lâu, trong thời gian xa nhau chị H, anh Nh không hỏi han, quan tâm chăm sóc gì với nhau, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét nhận định:

Quá trình chung sống chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh có hai con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/11/2011 và cháu Nguyễn Phương M, sinh ngày 27/02/2017, từ khi anh Nh sang định cư tại nước ngoài thì chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh Nguyễn Minh Nh đang định cư ở nước ngoài, từ khi anh Nh đi định cư ở nước ngoài, chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục hai con chung, chị Ma Thị Khánh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục hai cháu, cháu Nguyễn Minh A có nguyện vọng được ở với mẹ, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của đương sự, chị H hiện là giáo viên Trường Tiểu học Th, xã Đ, huyện S có thu nhập ổn định (có bảng lương kèm theo); Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 2 con chung là cháu Nguyễn Minh A và cháu Nguyễn Phương M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Ma Thị Khánh H đề nghị anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000đ/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo năm là phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh cùng xác định tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về công nợ chung: Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Ma Thị Khánh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Minh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, khoản 3 Điều 35, 37, 39, 147, 207, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Khánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Khánh H được ly hôn với anh Nguyễn Minh Nh.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/11/2011 và cháu Nguyễn Phương M, sinh ngày 27/02/2017 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Minh Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*)/cháu/tháng, phương thức cấp dưỡng theo năm, cho đến khi hai cháu Minh A và Phương M đủ 18 tuổi. Anh Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh cùng xác định tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Ma Thị Khánh H và anh Nguyễn Minh Nh cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ma Thị Khánh H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005250 ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Ma Thị Khánh H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Minh Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Ma Thị Khánh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh Nh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- Viện kiểm sát ND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA.DS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã H. T, S. D, TQ;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ma Hồng Thắng